

# LUẬN GIẢI CỦA ROUSSEAU VỀ NGUỒN GỐC CỦA NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG CHÍNH TRỊ

LÊ MINH QUÂN<sup>(\*)</sup>

*Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778) là một trong những người đầu tiên nhìn thấy sự khác biệt giữa xã hội công dân nảy sinh cùng với chế độ tư hữu và nhà nước được thiết lập sau đó trên cơ sở khế ước xã hội giữa những con người với nhau. Bất công, theo Rousseau, phát triển cùng với xã hội, trước hết là bất công về tài sản và quyền tư hữu, sau đó là bất công về chính trị do việc thiết lập nhà nước gây nên. Để bảo vệ quyền lợi của mình, những kẻ cầm quyền tìm mọi cách bênh vực cho sự bất bình đẳng và giải thích sự bất bình đẳng như một quy luật tự nhiên. Từ sự luận giải về bất bình đẳng xã hội như là nguồn gốc của những biến đổi trong đời sống chính trị, Rousseau muốn xác định những nguyên tắc trong tổ chức và thực thi các quyền chính trị theo hướng hình thành khế ước xã hội.*

1. Các công trình nghiên cứu của Rousseau thật phong phú, thấm sâu tính cách mạng và nhân văn trong nhiều lĩnh vực từ khoa học đến nghệ thuật, từ chính trị đến xã hội, từ văn hoá đến giáo dục. Nhưng những công trình nổi bật đưa ông đến với chính trị và trở thành nhà tư tưởng chính trị vĩ đại vẫn là *Những điều tự bạch* (1745), *Luận về khoa học và nghệ thuật* (1750), *Luận về nguồn gốc và những cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người* (1755), *Bàn về khế ước xã hội - Hay là các nguyên tắc quyền chính trị* (1762), *Émile - Hay bàn về giáo dục* (1762), *Nhận định về Chính phủ Ba Lan* (1771) v.v...

Với những ý tưởng tiến bộ, khi khảo cứu lịch sử và hiện tại hay mơ ước cho tương lai, nghĩ và viết trong các lĩnh vực khác nhau Rousseau đều hướng về chủ

đề chính là chính trị. Ở đây ông phê phán xã hội phong kiến đương thời tồn tại dựa trên sự bất bình đẳng và sự bóc lột tàn bạo nhân dân. Trong khoa học cũng như nghệ thuật, Rousseau nghe thấy tiếng gọi của khát vọng tự do - cái đang làm sụp đổ các chuẩn mực của xã hội phong kiến đã mục nát. Cả giáo hội và giai cấp thống trị, cả nhà thờ và nhà nước đều tuyên bố ông là kẻ thù của Chúa và của loài người.

Rousseau là một trong những người đặt nền móng tư tưởng cho cuộc Đại Cách mạng Pháp 1789 - 1894 và quá trình đấu tranh cho tự do, dân chủ trong thế giới cận đại. Ông đấu tranh cho sự phát triển của xã hội thông qua

---

<sup>(\*)</sup> PGS, TS. Viện Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

việc xây dựng và thực hiện các lý tưởng về tự do. Rousseau được người đời ở nhiều thế hệ đánh giá là đã suốt đời gian truân chỉ vì dám đấu tranh cho tự do, dân chủ và hạnh phúc của con người. Trên cơ sở luận giải nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng giữa người với người trong xã hội, Rousseau xác định những biến đổi trong đời sống chính trị theo hướng hình thành khế ước xã hội như là những nguyên tắc trong tổ chức và thực thi các quyền chính trị.

2. Trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây từ lâu đã có những quan điểm khác nhau khi luận bàn về trạng thái tự nhiên, các thuộc tính của nó và quy luật có tính tự nhiên của xã hội. Platon, Aristote và Hobbes v.v... cho rằng, bất bình đẳng là một điều tự nhiên vì tự nhiên vốn là bất bình đẳng. Theo quan điểm này, xã hội được phân chia thành những loại người khác nhau - người chủ và người nô lệ là một tất yếu (Aristote). Có loại người sinh ra là để cai trị - thống trị người khác (người thông thái), người nô lệ sinh ra là để người khác áp bức và nô dịch (Platon). Spinoza, Locke, Montesquieu v.v... cho rằng tự nhiên cũng không tất yếu là tốt nhưng cũng không tất yếu là xấu, có thể cao hơn hay thấp hơn trạng thái xã hội. Nhưng con người chỉ ra khỏi trạng thái tự nhiên vì cái tốt hơn chứ không vì cái xấu hơn và sẽ không bao giờ muốn ra khỏi trạng thái tự nhiên với bất cứ giá nào. Con người chỉ can dự vào sinh hoạt xã hội một cách hạn chế, thậm chí là rất hạn chế (Locke).

Rousseau cho rằng trạng thái tự nhiên là trạng thái tốt nhất của con người. Con người sinh ra ở trạng thái đầu tiên là sống - tồn tại dựa vào tự nhiên. Những của cải duy nhất trong vũ trụ này mà họ biết là thức ăn, đàn bà và sự nghỉ ngơi. Trong trạng thái tự nhiên

con người sống tự nhiên, khoẻ mạnh, lành lặn và nhanh nhẹn, nỗi sợ hãi lớn nhất là sự đau đớn và đói khát. Họ không cần đến sự che chở của đồng loại và không thừa nhận ai một cách cá nhân. Trạng thái tự nhiên là trạng thái thật sự trong sạch, trong đó con người đã tồn tại một cách tự nhiên trong hàng ngàn năm. Trong trạng thái tự nhiên, con người sống tự do và bình đẳng, không hề biết đến quyền lực xã hội và các cơ quan cưỡng bức xã hội.

Trong trạng thái tự nhiên ấy cái thiếu vắng lớn nhất của con người lại là các mối quan hệ giữa người với người - quan hệ xã hội; thiếu vắng các yêu cầu và điều kiện để giao tiếp, các ngôn ngữ - yêu cầu và điều kiện phát triển của lý trí và sự hoàn thiện đạo đức. Trong trạng thái tự nhiên, con người sống cô đơn và lêu lổng. Muốn vì hạnh phúc đầy đủ hơn, con người với các tính năng tự do ứng thuận hay kháng cự và tự hoàn thiện đã cần đến và tìm đến những quan hệ đồng loại, trong khi vẫn muốn giữ vững tính độc lập đầy đủ của mình. Trong các quan hệ xã hội mới này con người cảm nhận sự sung sướng và hạnh phúc hơn. Đây là thời kỳ phát triển các tính năng nhân loại ở giữa tính không cảm xúc của trạng thái tự nhiên và hoạt động táo bạo của con người - thời kỳ sung sướng và hạnh phúc nhất, chắc chắn nhất - trạng thái tự do và bình đẳng vững chắc thật sự.

Nhưng, theo Rousseau, sự phát triển của xã hội lại diễn ra theo hướng ngày càng thoát ly khỏi trạng thái tự nhiên và không thể trở lại trạng thái tự nhiên được nữa. Con người cần phải đến với xã hội và sống trong xã hội. Việc phát minh ra luyện kim và theo đó là sự phát triển của nông nghiệp - những tiến bộ trong kinh tế đã đưa đến sự xuất hiện của sở hữu cá nhân (trước hết về đất đai), sự bất bình đẳng và sự khốn

cùng. Sự hình thành xã hội loài người chính là sự chuyển biến từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái dân sự và hệ quả của nó là người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng phải sống trong xiềng xích. Trạng thái dân sự - trạng thái xã hội mà ở đó con người ngoài các hoạt động sống có tính bản năng thì phải tham gia từng bước vào các hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động chính trị - hoạt động phân chia các lợi ích, các giá trị xã hội. Sự chuyển biến xã hội từ trạng thái dã man - trạng thái tự nhiên sang trạng thái văn minh - trạng thái dân sự, có thể nói là một sự cần thiết, nhưng có lẽ là sự cần thiết bất đắc dĩ.

Rousseau trở lại với trạng thái tự nhiên, trạng thái ban đầu của các mối quan hệ xã hội trong lịch sử để tìm bản chất thực sự của con người. Ông so sánh con người xã hội với con người tự nhiên để tìm ra nguồn gốc của nỗi đau khổ của con người. Từ đó Rousseau xác định bất bình đẳng xã hội - nỗi khổ của con người là do bản thân con người gây ra chứ không phải do tự nhiên, trong trạng thái tự nhiên mọi người đều bình đẳng, tự hữu và bất công xã hội lúc đó chưa có. Bất công xã hội gắn liền với sự xuất hiện tư hữu nảy sinh trong quá trình sản xuất, từ đó xuất hiện kẻ giàu - người nghèo và cuộc đấu tranh giữa họ. Mâu thuẫn trong tiến hoá của xã hội là cùng với sự phát triển của các nền văn minh thì sự bất bình đẳng lại càng sâu sắc hơn và đạt đến giới hạn khi sự bình đẳng chỉ còn lại số không. Trong hoàn cảnh lịch sử khi con người sống và lao động còn thô sơ thì chưa có bất bình đẳng, con người sống tự do, bình đẳng theo bản chất con người. Bất bình đẳng về của cải tăng lên thì bất bình đẳng về tinh thần tăng lên theo, quyền lực do của cải, do sở hữu mang lại sẽ thuộc về những người có của cải, có sở hữu.

Quyền lực mất theo khi người ta mất dần của cải và sở hữu.

Rousseau kêu gọi xóa bỏ tư hữu với tính cách là một thực thể xã hội đã sản sinh ra các quan hệ xã hội áp bức và bóc lột. Tuy vậy, ông vẫn ủng hộ việc duy trì sở hữu nhỏ trên cơ sở của lao động cá nhân và cho rằng sở hữu nhỏ còn là cơ sở không thể thiếu của xã hội, nó thiêng liêng không kém gì tự do. Mơ ước ấy đã thể hiện những kỳ vọng của đông đảo quần chúng nhân dân (trước hết là nông dân) và nó đã trở thành nguồn sức mạnh thúc đẩy những người theo phái Giacôbanh trong thời kỳ Cách mạng Pháp những năm 1789 - 1794.

Sự bất bình đẳng về của cải sinh ra sự bất bình đẳng chính trị, sự bất bình đẳng chính trị lại được củng cố bằng sự ra đời của nhà nước. Sự ra đời của nhà nước - nhà nước (nhà nước của các giai cấp áp bức và bóc lột) như đã tồn tại trong lịch sử - không làm mất đi bất công xã hội mà ngược lại còn làm tăng sự bất công ấy. Sự chuyển hoá tất yếu của nhà nước thành chuyên chế và bạo lực làm cho các thành viên xã hội mất dần quyền lực của mình và trở thành không có quyền, quyền lực ngày càng tập trung vào tay kẻ cầm quyền. Để bảo vệ và củng cố cho quyền lợi của mình, những kẻ cầm quyền tìm mọi cách bênh vực cho sự bất bình đẳng và nhất là giải thích sự bất bình đẳng như một quy luật của tự nhiên.

Rousseau mơ ước về một xã hội lý tưởng, ở đây con người sống gần gũi và hoà mình với thiên nhiên. Trong trạng thái xã hội lý tưởng ấy, tự do về chủ quyền không phải thuộc về cá nhân mà thuộc về nhà nước - nhà nước lý tưởng được hình thành trên cơ sở của sự thoả thuận, sự đồng thuận tự nguyện của mọi thành viên xã hội. Trong trạng thái xã hội ấy con người sử dụng tự do như

những thành viên có đầy đủ quyền hành của nhà nước. Con người muốn có tự do với ý nghĩa như vậy thì cần có sự hiểu biết về xã hội và cần được giáo dục về quyền và trách nhiệm công dân. Con người cần đặt mong muốn cá nhân dưới nguyện vọng của tập thể, đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi cá nhân. Được giáo dục là điều kiện để mỗi công dân có thể nhận thức và hành động vì lợi ích quốc gia, hoàn thành các trách nhiệm của mình trước quốc gia. Con người không được tự do thì họ không thể yêu quốc gia và quốc gia cần các công dân yêu nước và có trách nhiệm. Khi con người có tri thức và đạo đức thì họ có thể kiểm soát được hành vi của mình và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn. Con người có văn hoá, có giáo dục là cơ sở hiện thực hoá các lý tưởng chính trị. Phải có một trình độ dân trí nhất định thì dân chúng một nước mới có thể vươn tới xây dựng một nền pháp chế cộng hòa.

3. Từ đấy Rousseau đặt vấn đề cần phải có một khế ước hay một công ước xã hội khi con người đã thoát ra khỏi trạng thái tự nhiên để trở thành con người dân sự. Để tìm ra những yếu tố hợp lý làm nền tảng cho một liên hợp chính trị chính đáng, con người phải tìm hiểu về những tổ chức đầu tiên của mình - tổ chức đời sống trong trạng thái tự nhiên trước khi đi vào tổ chức xã hội - thì mới có thể biết được lý do con người cần liên kết với nhau. Phương thức để con người tự vệ là liên kết lại với nhau thành một lực lượng được điều khiển bằng một động cơ chung, khiến cho mọi người đều bình đẳng một cách hài hoà. Kết quả của hình thức tổ chức này là không ai bị mất gì, nhưng mọi người đều được bảo đảm an ninh bởi sức mạnh của cộng đồng. Đó là vấn đề cơ bản mà khế ước xã hội đề ra cách giải quyết.

Khế ước xã hội có thể hiểu là sự thỏa thuận giữa những chủ thể xã hội, chủ thể chính trị - trong đó có công dân và nhà cầm quyền, công dân và nhà nước, các chủ thể này bình đẳng với nhau. Toàn thể thành viên trong cộng đồng xã hội sẽ trở thành một tập thể chính trị với quyền hành tối thượng. Quyền hành tối thượng này thuộc về cộng đồng thay vì một cá nhân hay một nhóm lãnh đạo. Cộng đồng khó có thể xây dựng quyền hành tối thượng nếu các thành viên trong cộng đồng đều đòi giữ lại quyền hành cá nhân.

Quyền dân sự của con người chỉ xuất hiện khi hình thành xã hội, cho nên con người phải trao quyền hành lại cho cộng đồng khi liên kết với nhau để tổ chức thành xã hội. Khi tham gia vào khế ước xã hội, con người phải từ bỏ lối sống tự do theo cảm xúc cá nhân mang tính chất phản xã hội. Quyền tự do sống theo ý muốn riêng và quyền làm chủ tất cả những gì mà sức mạnh cá nhân cho phép không phải là quyền tự do chân chính. Khế ước xã hội là phương thức duy nhất để con người tự bảo vệ bằng cách kết hợp lại với nhau thành một lực lượng chung, được điều khiển bằng một động cơ chung, khiến cho mọi người được tự do và bình đẳng.

Các mối quan hệ phức tạp cùng với quy mô ngày càng mở rộng của xã hội dân sự đã đặt ra những yêu cầu khách quan cho việc tổ chức quản lý đời sống xã hội. Chính yêu cầu khách quan đó đã đòi hỏi phải có một tổ chức bộ máy hợp lý để bảo đảm xã hội trong trật tự. Khi đó, những thoả thuận của con người trở thành cơ sở cho một chính quyền hợp pháp. Thông qua công ước xã hội mỗi người trao gửi ý chí của mình vào ý chí chung và do đó trở thành người chấp hành ý chí chung. Quyền lực được uỷ nhiệm cho bộ phận cầm quyền được thiết lập từ các thành viên tham gia khế

ước. Chủ quyền là thuộc về nhân dân, là quyền lực được tiến hành bởi ý chí chung. Chủ quyền không thể chuyển giao cho cá nhân, nó luôn thuộc về nhân dân. Tính tối cao của nhân dân thể hiện ở chỗ họ không bị ràng buộc bởi những luật lệ trước đó và vào mọi thời điểm có thể thay đổi cả những thỏa thuận ban đầu của khế ước. Tự do và bình đẳng của những người tham gia khế ước bảo đảm sự liên kết nhân dân vào một thực thể với những quyền lợi không thể đi ngược với những quyền lợi của từng cá nhân.

Với khế ước xã hội, Rousseau đã tìm thấy trong trật tự dân sự một số quy tắc cai trị chính đáng, vững chắc đối đãi với con người như con người. Ông phê phán hệ thống nghị viện của Anh, bảo vệ tư tưởng chủ quyền nhân dân, quyền lực nhân dân dựa trên những kinh nghiệm của các nền dân chủ ở Hy Lạp và La Mã cổ đại và của nhiều chế độ cộng hòa dân chủ trong thời kỳ cận đại, trong đó có Genève, bảo vệ những nguyên tắc của dân chủ trực tiếp, nơi mà những đạo luật được chính các cuộc họp của toàn thể các công dân thông qua một cách trực tiếp.

4. Ý chí và quyền lực của nhân dân là cơ sở của khế ước xã hội và thể chế chính trị, nhà nước dân chủ:

- Ý chí nhân dân phản ánh lợi ích chung của cộng đồng và lợi ích chung của cộng đồng phải trở thành nền tảng của pháp luật. Pháp luật là sản phẩm xã hội được kết tinh từ ý chí, lý trí của cộng đồng. ý chí chung đó là căn nguyên của pháp luật và là cơ sở để xem xét, giải quyết các quan hệ giữa các thành viên xã hội. Để xác định ý chí chung phải loại bỏ tất cả những ý kiến khác biệt của các thành viên trong xã hội để có thể tổng hợp được ý muốn chung. Cần phân biệt ý chí chung và ý chí của tất

cả, ý chí của tất cả chỉ là sự tập hợp thuần túy những quyền lợi riêng rẽ, ý chí chung được hình thành bằng cách loại bỏ trong tập hợp đó những quyền lợi triệt tiêu nhau. Đằng sau những suy luận ấy là vấn đề hòa hợp giữa những quyền lợi mâu thuẫn nhau của các cá nhân, của các đảng cấp và của toàn xã hội. Phương pháp này chỉ có thể thành công khi mọi người đều đưa ra ý kiến với tư cách công dân - chủ nhân công của quốc gia thay vì tư cách riêng - cá nhân.

Ý chí chung của toàn thể nhân dân được công bố, được tuyên bố sẽ là ý chí chung, và do đó, là hành động chung của quốc gia, là pháp luật. Pháp luật phải được sự tham gia soạn thảo - đóng góp ý kiến của toàn thể nhân dân và chỉ có hiệu lực khi được đa số nhân dân thông qua. Để cho đa số không bị nhầm lẫn ông cho rằng phải công khai, cung cấp đầy đủ thông tin cho dân chúng để họ tự bàn bạc và quyết định. Rousseau cảnh báo thủ đoạn lợi dụng số đông, lợi dụng tập thể để mưu lợi cá nhân. Mỗi người phải bỏ qua quyền lợi bề phái và hành động như một công dân của quốc gia khi đóng góp ý kiến và xã hội phải loại bỏ những nhóm hay tổ chức với các mục tiêu phục vụ quyền lợi riêng biệt. Pháp luật là sự thống nhất cái tổng thể của ý chí với tổng thể của đối tượng. Pháp luật trị vì là lợi ích chung trị vì, công lý và lợi ích chính đáng không tách rời nhau. Có ba loại luật là luật cơ bản (luật chính trị) điều chỉnh quan hệ chung của xã hội; luật dân sự giải quyết quan hệ giữa các thành viên xã hội với nhau và luật hình sự giải quyết quan hệ giữa công dân với pháp luật.

- Quyền lực hay chủ quyền là thuộc về nhân dân, hay nhân dân là chủ thể tối thượng của quyền lực. Quyền lực tối thượng này được điều hành bằng ý chí chung của tất cả dân chúng. Do vậy, cơ

thể chính trị có quyền lực tối cao phải là một con người tập thể và con người tập thể này có quyền tuyệt đối đối với các thành viên của nó. Quyền lực tối cao là thống nhất không thể phân chia, là tuyệt đối, thiêng liêng, nhưng không vượt qua giới hạn của công ước tổng quát - không vi phạm những thoả thuận mà con người đã xác lập. Lý thuyết về chủ quyền tối cao là cơ sở lý luận cho xây dựng một nhà nước và xã hội dân chủ, mặc dù đó là nhà nước và nền dân chủ hình thành trên ý muốn chủ quan của các bên tham gia kế ước và thể hiện tính không tưởng của Rousseau trong nhận thức về tính chất giai cấp của chính trị và của nhà nước.

5. Về tổ chức và thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước của nhân dân - chủ quyền nhân dân, Rousseau phản đối thuyết tam quyền phân lập, nhưng lại thấy cần có sự phân công trong việc thực hiện chủ quyền tối cao ấy thông qua các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo ông:

- Cơ quan lập pháp được hình thành dựa trên kế ước xã hội, có nhiệm vụ đặt ra hiến pháp và đưa ra một hệ thống pháp luật cho quốc gia. Quyền lập pháp chỉ có thể thuộc về nhân dân. Quyền lập pháp thể hiện trực tiếp và đầy đủ ý chí của nhân dân, của quyền lực tối cao. Chủ quyền nhân dân thể hiện trước hết và chủ yếu trong quyền lập pháp của nhân dân. Tự do chính trị chỉ có thể có trong một nhà nước nơi nhân dân có quyền lập pháp và được pháp luật bảo vệ. Pháp luật nếu không được nhân dân chuẩn y thì đều không có hiệu lực và đó hoàn toàn không phải là pháp luật.

Để cho quyền lập pháp thực sự là quyền lực tối cao, đòi hỏi mọi người phải tham gia chính trị vì đó là quyền hạn và trách nhiệm của công dân. Cơ quan lập

pháp phải phản ánh ý muốn chung của toàn dân chứ không phải ý muốn của những người cầm quyền. Để thuận lợi cho việc lập pháp, quốc gia cần đến những nhà lập pháp thông thái, có khả năng đưa ra những dự luật phản ánh ý chí chung để nhân dân biểu quyết. Nhà lập pháp thuyết phục nhân dân chấp thuận các dự luật mà không được áp đặt, ép buộc hay sai khiến nhân dân làm theo ý mình. Cơ quan lập pháp, nhà lập pháp phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Cách thức tổ chức và hoạt động của cơ quan lập pháp dựa hoàn toàn trên các sinh hoạt xã hội có tính chất dân chủ, trong đó mỗi người đều đóng góp vào công việc quốc gia trên vai trò lãnh đạo của mình trong cơ quan lập pháp. Cơ quan lập pháp thành lập ra chính phủ để phụ trách vai trò hành pháp và đề nghị phương pháp lựa chọn các vị thẩm phán vào cơ quan tư pháp.

- Cơ quan hành pháp được thành lập trên cơ sở của pháp luật chứ không phải trên cơ sở của kế ước. Chính phủ do cơ quan lập pháp đặt ra có nhiệm vụ thực thi pháp luật. Những người được uỷ thác nắm quyền hành pháp không phải là ông chủ của nhân dân mà chỉ là những công chức. Cơ quan lập pháp hay tập thể nhân dân tối thượng có thể ban hành, sửa đổi luật lệ để bầu ra chính phủ cũng như thay đổi bộ máy hành pháp bất cứ lúc nào.

Cơ quan hành pháp cần được xem xét trong những hình thức nhất định. Chính phủ dân chủ là một cấu trúc bảo đảm cho người dân được tham gia trực tiếp và nhiều nhất vào công việc quốc gia, nhưng khó có thể xây dựng được trong xã hội người, một tập thể nhân dân khó có thể nắm giữ vai trò quản lý quốc gia một cách hiệu quả. Chính phủ quý tộc là rất tốt, nhưng nếu nó được hình thành theo kiểu cha truyền con nối thì lại rất tệ hại. Chính phủ quân chủ có

thể tập trung được quyền lực và có những quyết định nhanh chóng, nhưng lại phụ thuộc vào tài năng và đức độ của những cá nhân vua, chúa. Dân số tăng lên thì chính phủ phải giảm xuống, muốn quản lý xã hội chặt chẽ hơn thì quan lại phải ít đi. Quan lại càng đông chính phủ càng yếu. Nước nhỏ thì hợp với chính phủ dân chủ, nước vừa thì hợp với chính thể quý tộc, nước lớn thì hợp với chính thể quân chủ, chính phủ hỗn hợp luôn giữ sức mạnh ở mức trung bình.

Khi bàn về xu hướng thoái hoá của quyền hành pháp và biện pháp khắc phục, Rousseau cho rằng chính phủ cũng thường có xu hướng làm trái với quyền lực tối cao của nhân dân. Do không có một ý chí nào có thể cưỡng lại để cân bằng với xu hướng ấy của chính phủ nên sớm muộn chính phủ sẽ lấn át quyền lực tối cao của nhân dân, phá hoại khế ước xã hội. Biểu hiện khi người cầm đầu chính phủ không chịu cai trị theo pháp luật, lấn át cơ quan quyền lực tối cao hoặc là các thành viên trong chính phủ không tốt, mỗi người thoán đoạt quyền hành một cách riêng rẽ. Đó là mối nguy hại tiềm tàng, cố hữu trong một cơ thể chính trị từ khi nó mới hình thành. Có hai con đường dẫn chính phủ đến chỗ thoái hoá là khi chính phủ tự siết chặt lại mãi hoặc khi chính phủ tự buông lỏng, tự tiêu vong. Chính phủ tự siết chặt từ số lớn xuống số nhỏ, tức là từ dân chủ xuống quý tộc, từ quý tộc xuống quân chủ là sự xa đoạ tự nhiên, sự biến hoá tự nhiên của chính phủ. Nếu chính phủ biến hoá từ số nhỏ sang số lớn, tức là từ quân chủ sang quý tộc, từ quý tộc sang dân chủ thì khi đó chính phủ tự buông lỏng. Tình trạng quốc gia tan rã cũng như tình trạng chính phủ lạm quyền đều được gọi là vô chính phủ.

Muốn ngăn chặn nguy cơ chính phủ cướp quyền và làm cho chuyển hoá từ

dân chủ đến quân chủ, thì phải áp dụng một biện pháp là triệu tập hội nghị định kỳ toàn dân với hai vấn đề đặt ra là nhân dân có hài lòng với hình thức chính phủ hiện hành không và có vừa lòng với sự cai trị của những người được uỷ thác hay không. Tư tưởng đó sau này được cụ thể hoá thành chế định bất tín nhiệm của lập pháp đối với chính phủ được quy định trong hiến pháp của nhiều nước. Hình thức có thể là bất tín nhiệm đối với tập thể chính phủ hoặc bất tín nhiệm đối với từng thành viên của chính phủ. Lý do bất tín nhiệm là sự vi phạm luật, sự thoái hoá và kém hiệu quả của chính phủ.

Thước đo của một chính phủ mạnh là ở chỗ quốc gia có mạnh hay không chứ không phải ở sức mạnh tự thân của nó như bộ máy công kênh, quan lại đông đúc. Dấu hiệu của một chính phủ tốt là bảo đảm hoà bình và phần vinh cho dân chúng. Vì mục đích cuối cùng của một tập thể chính trị là sự bảo tồn và phát triển các thành viên. Chính phủ càng xa dân thì gánh nặng của dân càng tăng lên, đóng góp của dân càng tăng lên.

- Để ý chí chung của nhân dân không bị vi phạm, Rousseau nêu lên một cơ chế bảo vệ nó là tổ chức ra cơ quan tư pháp. Cơ quan này là yếu tố trung gian giữa chính phủ và nhân dân, giữa chính phủ với cơ quan quyền lực tối cao hay giữa ba thực thể ấy. Vai trò của cơ quan tư pháp là bảo vệ pháp luật và các quyền lập pháp. Cơ quan tư pháp không được có một chút quyền lập pháp hay hành pháp nào. Do đó, cơ quan tư pháp có quyền cao hơn cả vì nó không làm gì cả nhưng lại có thể ngăn ngừa được tất cả. Đó là cơ quan cần được coi trọng nhất vì nó là người bảo vệ pháp luật, mà pháp luật là do cơ quan quyền lực tối cao ban hành và do chính phủ chấp hành. Cơ quan tư pháp là chỗ dựa vững chắc cho một thể chế nhà nước.

Cơ quan lập pháp công bố ý chí của toàn dân thành pháp luật, còn cơ quan tư pháp công bố lời phán xét công cộng trước những hành vi vi phạm pháp luật. Dự luận công chúng là một thứ luật mà cơ quan tư pháp là người chấp hành. Tòa án tư pháp không phải là người trọng tài xét xử dự luận công chúng, nó chỉ là người công bố dự luận công chúng mà thôi. Xa rời chức năng đó thì mọi quyết định của tòa án đều không khách quan và không có hiệu lực. Tuy nhiên, cơ quan tư pháp sẽ trở nên lộng quyền khi nó chiếm lấy quyền hành pháp mà chính nó là kẻ điều hoà. Cơ quan tư pháp cũng sẽ lộng quyền nếu nó đứng ra ban bố luật pháp mà chính nó là kẻ bảo vệ. Muốn ngăn ngừa cơ quan tư pháp khỏi bị thoán đoạt thì chỉ có cách là quy định thời hạn cho nó.

Trong điều kiện lịch sử mới, sự nghiệp giải phóng con người là do yêu cầu của hiện thực đưa lại, nhưng sự nghiệp ấy chỉ thực sự có hiệu quả khi nó bắt đầu từ giải phóng tư tưởng - giải phóng con người ra khỏi những quan niệm xã hội lỗi thời, phản động, cản trở sự phát triển của xã hội. Trong quan niệm của Rousseau, chính trị, nhà nước không còn là sản phẩm của Chúa, không theo ý Chúa nữa. Chính trị, nhà nước là sản phẩm của hoạt động sống của con người trong xã hội, là sản phẩm của xã hội từ một trình độ nhất định trong lịch sử. Chính trị, nhà nước là do con người tạo ra phục vụ cho cuộc sống con người. Theo đó, nhà nước do con

người tạo ra thì con người cũng có thể thay đổi nó. Cần xác định những nguyên tắc của quyền chính trị cho các thể chế chính trị. Việc xác định các mô hình thể chế nhà nước là do hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước, nhưng điều quan trọng là tìm một cấu trúc lành mạnh và năng động cho một nền cai trị tốt. K. Marx đã đánh giá về Rousseau (cũng như về Hobbes, Spinoza, Campanella, v.v...) một cách trân trọng vì đã nhìn nhận chính trị, nhà nước bằng đôi mắt người, đã thực hiện một sự chuyển biến có ý nghĩa trong tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề của chính trị.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Marcel Prelot và Georges Lescuyer. Lịch sử các tư tưởng chính trị. Paris: Dalozz, 1975.
2. Từ điển Bách khoa Toàn thư Liên Xô, tập 22 (Tiếng Nga). Moskva: Tiến Bộ, 1975.
3. Phùng Văn Tửu. Giảng Giác Rút xô. H.: Văn hoá, 1978.
4. Từ điển Triết học. Moskva: Tiến Bộ, H.: Tiến Bộ, 1986.
5. Triết học Phương Tây hiện đại. H.: Khoa học xã hội, 1996.
6. Đinh Ngọc Vượng. Tam quyền phân lập. H.: Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1992.
7. Giảng Giác Rút xô. Bàn về Khế ước xã hội. H.: Lý luận Chính trị, 2004.